TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: DLU0220

Tên học phần: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự

Mã nhóm lớp học phần: 232_DLU0220_01,02

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Tự luận**

SV được tham khảo tài liệu **IN GIẤY**: Có ☒ Không ☐

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

ĐÁP ÁN ĐỀ 01

Câu 1 (3.0 điểm)

Căn cứ pháp lý: Điều 45 Bộ Luật TTDS 2015. Nguyên tắc giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật để áp dụng

1. Việc áp dụng tập quán được thực hiện như sau: (1 điểm)

Tòa án áp dụng tập quán để giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định. Tập quán không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật Dân sự.

Khi yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền viện dẫn tập quán để yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng.

Tòa án có trách nhiệm xác định giá trị áp dụng của tập quán bảo đảm đúng quy định tại Điều 5 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp các đương sự viện dẫn các tập quán khác nhau thì tập quán có giá trị áp dụng là tập quán được thừa nhận tại nơi phát sinh vụ việc dân sự.

2. Việc áp dụng tương tự pháp luật được thực hiện như sau: (1 điểm)

Tòa án áp dụng tương tự pháp luật để giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp các bên không có thỏa thuận, pháp luật không có quy định và không có tập quán được áp dụng theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều này.

Khi áp dụng tương tự pháp luật, Tòa án phải xác định rõ tính chất pháp lý của vụ việc dân sự, xác định rõ ràng trong hệ thống pháp luật hiện hành không có quy phạm pháp luật nào điều chỉnh quan hệ đó và xác định quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự tương tự.

3. Việc áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lẽ công bằng được thực hiện như sau: (1 điểm)

Tòa án áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lẽ công bằng để giải quyết vụ việc dân sự khi không thể áp dụng tập quán, tương tự pháp luật theo quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Dân sự, khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự là những nguyên tắc được quy định tại Điều 3 của Bộ luật Dân sự.

Án lệ được Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong giải quyết vụ việc dân sự khi đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố.

Lẽ công bằng được xác định trên cơ sở lẽ phải được mọi người trong xã hội thừa nhận, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo, không thiên vị và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ việc dân sự đó.

Câu 2 (2.0 điểm)

1. Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì Anh An có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ pháp lý: khoản 1, Điều 4 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. (1 điểm)

2.Căn cứ theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thì Trường hợp Thẩm phán có thẩm quyền đã thụ lý và phát hiện đã hết thời hiệu thời kiện và đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Thẩm phán ra quyết định giải quyết vụ án thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Nếu đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu và Thẩm phán chưa ra quyết định giải quyết vụ án thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tiếp tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật. Căn cứ pháp lý: điểm e, khoản 1, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. (1 điểm)

Câu 3 (5.0 điểm)

1/. Anh Trịnh cần nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nào/ Căn cứ pháp lý và xác định thẩm quyền Tòa Án (1 điểm)

Anh Trịnh cần nộp đơn khởi kiện tại TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Căn cứ pháp lý + thẩm quyền Tòa án:

+ Khoản 1, điều 28 (thẩm quyền theo vụ việc), điểm a khoản 1 điều 35 (thẩm quyền theo cấp Tòa), điểm a, khoản 1 điều 39 (thẩm quyền theo lãnh thổ) (Theo BLTTDS 2015)

+ Khoản 4, điều 8, Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất "Những quy định chung" của BLTTDS đã được sửa đổi bổ sung theo Luật sđbd một số điều của BLTTDS (Những vụ án về hôn nhân, gia đình, thừa kế tài sản,… mà có tranh chấp về BĐS thì thẩm quyền của Tòa án giải quyết là Tòa án nơi bị đơn cư trú làm việc hoặc Tòa án của nguyên đơn nếu có thỏa thuận)

+ Khoản 5, điều 8 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất "Những quy định chung" của BLTTDS đã được sửa đổi bổ sung theo Luật sđbd một số điều của BLTTDS (Việc xác đinh nơi cư trú, làm việc, trụ sở được xác định vào thời điểm nộp đơn khởi kiện)

2/. Xác định tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án: (1 điểm)

+ Nguyên đơn: Anh Trịnh (k.2 đ.68 BLTTDS 2015

+ Bị đơn: Chị Lê Thu (k.3 đ.68 BLTTDS 2015

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (k.4 đ.68 BLTTDS 2015)

**Anh Tính (liên quan đến công sức đóng góp và cùng ở tại nhà đất tranh chấp phố X, phường Y, quận Long Biên, Hà Nội)

** Chị Hồng (liên quan đến tài sản đầu tư chung là mảnh đất M đang tranh chấp)

** Chị Lê Khanh (liên quan đến khoản nợ 01 tỷ đồng)

3/. HĐXX sẽ xử lý thế nào? Nêu rõ căn cứ pháp lý? (1 điểm)

- Hội đồng xét xử ra quyết định tạm ngừng phiên tòa

Căn cứ: + khoản 1, điều 259 BLTTDS 2015

4/ Thời hạn tạm ngừng phiên tòa là không quá 01 tháng, kể từ ngày Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn này, nếu lý do để ngừng phiên tòa không còn thì Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa; nếu lý do để ngừng phiên tòa chưa được khắc phục thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Hội đồng xét xử phải thông báo bằng văn bản cho những người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát cùng cấp về thời gian tiếp tục phiên tòa

Căn cứ: + khoản 2 Điều 259 BLTTDS 2015 (1 điểm)

5/ Xác định nợ chị Lê Khanh là có trên cơ sở có giấy tờ vay và có sự thừa nhận của anh Trịnh nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, điều 92 BLTTDS 2015

Việc chị Lê Thu dùng tiền vay của chị Lê Khanh cùng với tiền làm ăn, buôn bán của mình để tạo lập nhà đất tại phố X, phường Y, quận Long Biên, Hà Nội là chi dùng vào mục đích chung tạo lập tài sản chung của gia đình nên căn cứ quy định tại điều 27 LHNGĐ 2014 thì đó là nợ chung vợ, chồng và anh Trịnh cũng phải có trách nhiệm liên đới với giao dịch vay tiền của chị Lê Khanh do chị Lê Thu thực hiện. (1 điểm)

Ngày biên soạn: 19/04/2024

Giảng viên biên soạn đáp án đề thi: TS. Đào Nguyễn Hương Duyên

Ngày kiểm duyệt: 20/04/2024

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: ThS. Đinh Lê Oanh